

Bản án số: 119/2020/DSST

Ngày: 17-9-2020

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Hương.

2. Ông Nguyễn Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Võ Thùy Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở của Tòa án nhân dân Quận 11 Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai Vụ án thụ lý số: 75/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 51/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2020/QĐST-DS ngày 01 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị N, sinh năm 1965; địa chỉ thường trú: đường T, phường HT, quận TP, Thành phố H; địa chỉ liên lạc: đường H, phường HT, quận TP, Thành phố H (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Tsân Quý X, sinh năm 1968; địa chỉ: đường L, Phường N, Quận MM, Thành phố H; (vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trương Lâm A, sinh năm: 1967; địa chỉ: đường L, Phường N, Quận MM, Thành phố H. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 09/6/2020, các lời khai và biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lê Thị N trình bày:

Ngày 04/11/2019, ông Tsân Quý X có đến nhà bà N mượn số tiền 1.000.000.000 đồng để mua hàng sản xuất dép vào dịp tết 2020, ông X hứa đến

ngày 04/01/2020 sẽ trả đủ cho bà N số tiền nêu trên. Tuy nhiên đến hạn trả tiền bà N đã liên hệ với ông X nhiều lần nhưng ông X né tránh không gặp bà N. Ngày 07/3/2020 bà N đã tìm được ông X ương, ông X có viết giấy mượn tiền và hứa trả tiền nhưng sau đó ông X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu ông X trả số tiền 1.000.000.000 đồng.

Bà N xác định số tiền trên chỉ cho ông X mượn và chỉ yêu cầu một mình ông X trả nợ. Hiện bà N độc thân nên yêu cầu Tòa án không triệu tập người khác vào tham gia tố tụng.

* Tại bản tự khai ngày 30/6/2020 ông Tsân Quý X trình bày:

Ông X không biết bà N là ai và cũng không vay tiền của bà N. Thực tế khoản nợ vay là do ông X vay của bà Trương Lâm A. Ông X vay của bà A 2 lần mỗi lần 500.000.000 đồng với lãi suất từ 10% đến 30% mỗi tháng. Sau đó vào ngày 07/3/2020 bà Trương Lâm A và bà Lê Thị N đã ép ông X viết giấy nợ bà N số tiền 1.000.000.000 đồng. Nay ông X xác định do bị ép buộc mới kí vào giấy mượn nợ chứ thực tế ông không vay nợ bà N. Nay do kinh tế khó khăn và mất khả năng chi trả nên ông X không trả tiền được cho bà A.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Tsân Quý X đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt và chỉ có bản tự khai ngày 30/6/2020.

* Tại bản tự khai ngày 01/7/2020 bà Trương Lâm A trình bày:

Ngày 04/11/2019, ông Tsân Quý X là hàng xóm của bà A qua hỏi mượn tiền để mua hàng sản xuất dép vào dịp tết năm 2020, ông X có ký Hợp đồng nợ ngày 04/12/2019. Thực chất số tiền 1.000.000.000 đồng, bà A đưa cho ông X mượn là của chị Lê Thị N, ông X cũng biết việc này, do đó, ngày 07/3/2020, ông X có ký lại Giấy mượn tiền cho chị N và hứa đến ngày 04/01/2020 sẽ trả đủ số tiền trên.

Vào khoảng năm 2018, bà A có cho ông Tsân Quý X vay tiền nhiều lần, mỗi lần vay các bên không làm giấy tờ. Sau nhiều lần ông X gộp số tiền vay nhỏ lại thành khoản vay lớn và viết giấy nợ vào ngày 04/12/2019 với tổng số tiền còn thiếu bà A là 1.000.000.000 đồng.

* Tại phiên Tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ kiện, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Thẩm phán chưa đảm bảo thời hạn giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Lê Thị N khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với ông Tsần Quý X. Ông X hiện cư trú trên địa bàn Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; do vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Nguyên đơn bà Lê Thị N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Lâm A có đơn xin xét xử vắng mặt. Phiên tòa xét xử vụ án được mở vào lúc 08 giờ ngày 01/9/2020 và 08 giờ 00 ngày 18/9/2020, bị đơn đã được thông báo về thời gian và địa điểm xét xử vụ án nêu trên nhưng đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Nguyên đơn yêu cầu ông X trả số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ nói trên. Bị đơn xác định không vay tiền của nguyên đơn và không biết nguyên đơn. Giấy mượn tiền ngày 07/3/2020 là do bà N ép ông X phải viết. Trên thực tế ông X nợ tiền của bà Trương Lâm A.

Xét “Giấy mượn tiền” ngày 07/3/2020 có nội dung ông X vay của bà N số tiền 1.000.000.000 đồng. Việc vay mượn không quy định lãi suất và có quy định đến ngày 14/3/2020 ông X sẽ trả cho bà N số tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng. Số tiền nợ còn lại sẽ giải quyết sau. Đến ngày 28/5/2020 bà N đã gửi thông báo đòi nợ, nội dung yêu cầu ông X trả toàn bộ số tiền nợ trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày thông báo. Ông X xác nhận chữ viết, chữ ký trong “Giấy mượn tiền” ngày 07/3/2020 là do ông viết. Do đó, có cơ sở xác định ông X vay của bà N số tiền 1.000.000.000 đồng.

Giao dịch dân sự giữa hai bên được xác định là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi. Căn cứ Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”. Đến hạn trả nợ, ông X không trả tiền cho bà N là vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Xét, trình bày của ông X tại bản tự khai ngày 30/6/2020. Ông Tsần Quý X cho rằng “Giấy mượn tiền” ngày 07/3/2020 là do ông bị bà N ép buộc kí tên. Căn cứ Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 321/2020/QĐ-CCTLCC ngày 01/7/2020 của Tòa án nhân dân Quận 11 gửi Công an Phường N, Quận M có kết quả trả lời như sau: “Qua rà soát trong ngày 07/3/2020 Công an Phường 5, Quận 11 không có tiếp nhận trình báo vụ việc ép kí giấy mượn nợ như xác minh của Tòa án nhân dân Quận 11”.

Tại bản tự khai ông X xác nhận chữ kí, chữ viết là của mình, nhưng lại cho rằng không biết bà Lê Thị N là ai và cũng không nợ bà N là không hợp lí, có sự mâu thuẫn giữa lời khai và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bởi những lý do sau: Giấy mượn tiền ngày 07/3/2020, ông X có ghi “*Khi tôi trả xong một tỷ, số giấy của chị Trương Lâm A không có hiệu lực*”, kết quả xác minh tại Công an Phường N, Quận MM cũng không có việc ông X bị ép kí giấy mượn nợ trên. Tòa án nhân dân Quận 11 đã tiến hành triệu tập ông X tại các buổi làm việc tiếp theo, thông báo cho ông X biết việc công khai chứng cứ, tuy nhiên ông X vắng mặt không lí do. Do đó, việc ông X khai không vay tiền của bà N và không biết bà N là ai là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với tiền lãi, bà N chỉ yêu cầu ông X trả lại tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi với số tiền nợ trên. Hội đồng xét xử xét thấy, việc không yêu cầu tính lãi là sự tự nguyện của đương sự nên không đặt ra xem xét trong vụ án này.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn nợ gốc là 1.000.000.000 (một tỷ đồng) đồng, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ nói trên.

[4] Về án phí:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả là 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng).

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay về nội dung là có cơ sở pháp luật, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N.

Buộc ông Tsần Quý X có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lê Thị N số tiền là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà N cho đến khi thi hành án xong, ông X còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

Ông Tsần Quý X chịu án phí dân sự sơ thẩm là 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng).

Hoàn lại cho bà Lê Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.000.000 đồng (hai mươi một triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0015613 ngày 12/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDTP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hoài